



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011**

---

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

## THƯ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị,

Năm 2011 với nhiều biến động trong nền kinh tế thế giới, cũng như những khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam. Thị trường bất động sản đóng băng: lãi suất ngân hàng tăng, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ cao, chi phí nhiên liệu, năng lượng đều tăng ..vv.v. thép xây dựng tiêu thụ chậm, thị trường dầu ra bị thu hẹp, gây nhiều khó khăn, thách thức cho Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức, cũng như các doanh nghiệp sản xuất thép xây dựng.

Vượt lên mọi khó khăn, với sự đoàn kết nhất trí cao và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, đặc biệt là sự điều hành quyết liệt, nhanh nhạy của Ban điều hành, đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp, sát với tình hình thị trường, sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao, lợi nhuận trước thuế năm 2011 đạt gần 60 tỷ đồng. Ba năm liền (2009-2011) Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được xếp trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Công ty nằm trong Top 1000 doanh nghiệp nộp ngân sách nhà nước cao nhất năm 2011.

Bước sang năm 2012 các yếu tố kinh tế vĩ mô vẫn chưa ổn định, tiềm ẩn nhiều rủi ro trong sản xuất kinh doanh thép xây dựng. Công ty tiếp tục triển khai các công trình đầu tư cho Phân xưởng Cán thép nhằm giảm các chi tiêu tiêu hao, đồng thời thực hiện các bước chuẩn bị cho kế hoạch phát triển trong tương lai của Công ty. Vì vậy nhiệm vụ trong năm 2012 là một thách thức lớn đối với hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ công nhân viên Cty.

Chúng tôi tin tưởng rằng với sự nỗ lực, không ngừng đổi mới, tự hoàn thiện mình, nhanh nhạy trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, nâng cao trách nhiệm cá nhân của đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức sẽ đạt, phấn đấu vượt các mục tiêu đặt ra cho năm 2012.

Thay mặt lãnh đạo Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức xin gửi lời cảm ơn tới tất cả Quý khách hàng, các đối tác đã tin tưởng, hợp tác cùng công ty. Xin cảm ơn toàn thể CB.CNV Công ty đã không ngừng nỗ lực trong lao động sản xuất góp phần vào thành công chung. Xin cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi. Chúng tôi xin cam kết, sẽ nỗ lực hết mình để đáp ứng sự mong đợi của Quý cổ đông đối với Công ty và đưa Công ty ngày càng phát triển tốt đẹp hơn.

Xin chúc quý vị mạnh khỏe, thành công.

TP, Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2012

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoàng Ngọc Oanh

## THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

<b>Tên Công ty:</b>	<b>Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức</b>
<b>Tên viết tắt</b>	<b>VKC</b>
<b>Tên tiếng Anh:</b>	<b>Thuduc steel joint stock company</b>
<b>Trụ sở chính:</b>	<b>Km 9 Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh</b>
<b>Điện thoại:</b>	<b>08.38969612 –</b> Fax: <b>0837310154</b>
<b>Website:</b>	<b><a href="http://www.thepthuduc.com.vn">http://www.thepthuduc.com.vn</a></b>
<b>Email:</b>	<b>thepthuducvkc@vnn.vn</b>



## MỤC LỤC

I- LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY:	4
1. Những sự kiện quan trọng:	4
2. Quá trình phát triển:	6
2.1 Ngành nghề kinh doanh:	6
2.2. Tình hình hoạt động:	6
3. Định hướng phát triển:	7
II- BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:	7
1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2011	7
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch	7
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm	8
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai	8
III- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:	9
1. Báo cáo tình hình tài chính:	9
2. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011:	
3. Những tiến bộ công ty đạt được:	11
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:	12

IV- BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13
V- BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	34
1. Kiểm toán độc lập:	34
2. Kiểm toán nội bộ:	35
VI- CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN:	35
VII- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:	35
1. Cơ cấu tổ chức của Công ty	35
2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành:	37
Bảng 5: Thay đổi thành viên Ban điều hành Công ty	
VIII- THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:	39
1. Hội đồng quản trị và Chủ tịch HĐQT, Ban kiểm soát và Kiểm soát viên:	39
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông	42



## I- LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY:

### I. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được hình thành từ những năm 1960 với tên ban đầu là *Việt Nam Kim Khí Công ty - VIKIMCO*, do chủ người Việt Nam điều hành và quản lý. Cơ sở vật chất lúc ban đầu rất nghèo nàn chỉ có một phân xưởng cán, sản xuất một vài loại sản phẩm thép tròn như  $\varnothing 8$ ,  $\varnothing 10$  với sản lượng khoảng 500-1.000T/năm, bằng nguồn phối nhập khẩu kích thước 50 x 50.

Sau ngày thống nhất đất nước (30/4/1975) Công ty vẫn được điều hành và quản lý bởi chủ cũ.

Từ ngày 01/01/1978 VIKIMCO chính thức được đặt dưới sự điều hành và quản lý của Công ty Luyện Kim Đen thuộc Bộ Cơ Khí và Luyện Kim và được đổi tên thành **Nhà máy Quốc doanh Cán thép VIKIMCO**.

Giai đoạn từ 1978 -1985: Đây là thời kỳ Nhà máy tập trung xây dựng đội ngũ, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng như nhà làm việc, nhà ăn, đường nội bộ và các công trình công cộng khác. Cũng trong giai đoạn này Nhà máy đã tập trung mọi cố gắng vượt qua rất nhiều khó khăn duy trì sản xuất và từng bước cải tạo công nghệ cán thép, đưa công nghệ sản xuất thép Ø6 chất lượng cao vào hoạt động. Sản phẩm chủ yếu lúc này vẫn là thép Ø6, Ø8 và sản lượng những năm cuối của giai đoạn này đã được nâng lên từ 5.000 - 10.000 tấn/năm.

Giai đoạn từ 1985 - 1990: Phát huy những thành quả đạt được của giai đoạn trước về công nghệ cán, Nhà máy tiếp tục đầu tư để cải tiến máy móc thiết bị, lò nung nên đã góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Ngày 27/07/1988 Nhà máy Quốc doanh Cán thép VIKIMCO đổi tên thành Nhà máy Thép thủ Đức.

Sản xuất ngày càng phát triển, việc cung cấp thép thời cho Nhà máy đã bộc lộ sự mất cân đối. Để giải quyết vấn đề này, Xí Nghiệp Liên Hợp Luyện Cán Thép đã quyết định đầu tư xây dựng Phân xưởng Luyện thép với một lò luyện thép bằng điện hồ quang, công suất 8 tấn/mẻ tại Nhà máy. Tháng 8/1990 lò luyện thép cho ra mẻ thép đầu tiên đánh dấu bước chuyển biến vượt bậc của Nhà máy trong việc hoàn thiện năng lực sản xuất. Sản lượng thép cán của Nhà máy đạt được ở những năm cuối của giai đoạn này đã được nâng lên 30.000 tấn/năm.

Giai đoạn 1991 - 1995: Đây là giai đoạn Nhà máy tiếp tục được đầu tư để phát triển sản xuất, tổng số tiền đầu tư chiều sâu và đầu tư mở rộng là 90 tỷ đồng. Một số công trình đã được đầu tư xây dựng như :

- Lắp đặt thêm 1 lò luyện thép hồ quang 12 tấn/mẻ.
  - Lắp đặt dây chuyền đúc thép liên tục 2 dòng có công suất 70.000 tấn/năm.
- Đầu tư hai nhà xưởng và các thiết bị tiếp nhận chế biến sắt vụn
- Lắp đặt dây chuyền sản xuất Oxy 150 m<sup>3</sup>/h phục vụ cường hóa trong quá trình nấu luyện.
  - Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho 2 lò luyện thép.
  - Lắp đặt trạm cấp điện 12,5 MVA cung cấp điện cho 2 lò luyện thép 66kv/15kv.
  - Lắp đặt phân xưởng cán mới công suất 120.000 tấn/năm, với thiết bị công nghệ của Đài Loan.
  - Lắp đặt các thiết bị để phục vụ cho công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm như: Máy kéo nén, máy phân tích quang phổ v..vv.

- Từ năm 1995 Nhà máy đã đưa các công trình trên vào khai thác sử dụng, nâng năng lực sản xuất thép thời của Nhà máy lên 50.000 tấn/năm và năng lực sản xuất của 2 phân xưởng cán lên 160.000 tấn/năm. Sản lượng thép cán đạt được trong những năm 1996- 1998 đạt xấp xỉ 100.000 tấn/năm, tăng 10 -15 lần so với những năm đầu.
- Giai đoạn 2000 đến nay: Ổn định sản lượng, nâng cao chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9002/1994 và nay là ISO-9001/2008.
- Lắp đặt lò nung mới hiện đại theo thiết kế của Đài Loan, tự động hóa quá trình nung 01 lò 12T/h Xưởng cán 1 và 1 lò 25/h Xưởng cán 2.
- Cải tạo toàn diện các cụm thiết bị cán 1; cơ khí và tự động hóa thay cho thao tác bê thép thủ công, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao.
- Cải tạo trạm nâng cấp trạm cấp điện 12,5 MVA , 66kv/15kv thành trạm 25MVA, 110kv/15 kv.
- Trang thiết bị máy tiện CNC để gia công rãnh hình trục cán.
- Lắp thêm dây chuyền sản xuất oxy 350m<sup>3</sup> /h, phục vụ luyện thép và kinh doanh oxy.
- Cải tạo Xưởng cán 2 bằng cách đầu tư thêm 2 cụm giá cán tinh kiểu đứng và kiểu nằm của Simac, dùng động cơ 1 chiều, tự động điều chỉnh, góp phần nâng cao chất lượng

sản phẩm, cùng với nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đưa năng suất cán 2 có thể đạt 150.000T/năm.

- Phòng QLCL được trang bị thêm các máy sử dụng chương trình vi tính: Máy thử cơ tính vạn năng 100T, máy phân tích quang phổ. Phòng được cấp chứng chỉ ISO 17025 công nhận phòng thí nghiệm hợp chuẩn.
- Xây dựng bến sà lan 500T phục vụ cho công tác xuất nhập hàng hóa qua đường sông và mở rộng thêm gian chứa thành phẩm thép cán.
- Cải tạo hệ thống hút bụi lò luyện thép, đảm bảo môi trường xanh, sạch.
- Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, các sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa trong sản xuất thép thời nên đã đạt sản lượng từ 70.000 - 80.000 tấn/năm, mặc dù đã dỡ bỏ lò luyện 8T.
- Từ ngày 01/07/2007 Nhà máy Thép Thủ Đức được đổi tên thành Công ty Thép Thủ Đức trực thuộc Tổng công ty Thép Việt Nam, thời gian này dẫn cán 1 sản xuất thép Ø6, Ø8 và thép Ø10 ngừng hoạt động.
- Ngày 01/01/2008 Công ty Thép Thủ Đức chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.
- Tháng 02/2009 Công ty đầu tư lắp đặt lò tinh luyện LF nhằm nâng cao chất lượng phôi thép, tăng năng suất lò luyện thép lên từ 20% - 25%. Cải tạo giai đoạn I hệ thống hút bụi lò luyện thép, lắp thêm 01 động cơ 400 KVA, giảm khói bụi, bảo vệ môi trường, Cải tạo lò nung phôi thép 2,2 m ( 25 tấn/h) lên 4, 2 m (35 tấn/h).
- Năm 2010 Công ty đầu tư lắp đặt hệ thống lọc, xử lý nước thải sinh hoạt, đầu tư công nghệ đốt gas lò nung phôi thép thay cho dầu FO tạo nên môi trường làm việc thân thiện hơn. Cuối năm 2010 Sở Tài nguyên và Môi trường, Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định chính thức công nhận Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức thực hiện xong đề án bảo vệ môi trường.
- Tháng 01/2011 Công ty đầu tư lắp đặt lò luyện dung tích 20 tấn/m<sup>3</sup>, biến thế 16.000 KVA và hệ thống đúc liên tục 2 dòng mới thay thế cho các thiết bị cũ nhằm nâng cao chất lượng phôi thép, tăng năng suất lò luyện thép lên trên 13.000 tấn phôi thép/tháng.

## 2. Quá trình phát triển:

### 2.1 Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thép và sản phẩm thép; nguyên nhiên liệu, thứ phế liệu kim loại cho sản xuất thép; các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí, công nghiệp.
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng.
- Sản xuất, kinh doanh oxy, nitơ, argon dạng khí và lỏng; mua bán, lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất và sử dụng khí.
- Kinh doanh khai thác cảng.
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng.
- Xây dựng, kinh doanh cao ốc, văn phòng, nhà ở /.

### 2.2. Tình hình hoạt động:

Năm 2011, thị trường thép diễn biến khá phức tạp. Ngoài chịu ảnh hưởng lớn từ giá nguyên nhiên liệu thất thường trên thị trường thép thế giới, thị trường thép trong nước còn chịu tác động lớn của sự biến động mạnh về tỷ giá và lãi suất của các ngân hàng. Chi phí sản xuất kinh doanh đã tăng ở mức kỷ lục buộc giá thép trong nước tăng theo. Tuy nhiên, mức tăng của giá thép thành phẩm vẫn thấp hơn mức tăng của nguyên liệu đầu vào. Thép xây dựng, biến động giá trong năm rất cao và khó lường.

Ngoài tình hình chung trên, khi bước vào thực hiện nhiệm vụ năm 2011 Công ty còn phải tập chung thực hiện các công trình đầu tư với khối lượng công việc rất lớn đòi hỏi phải có sự chỉ đạo điều hành sát sao thì mới đẩy nhanh được tiến độ, sớm đưa các công trình đầu tư vào hoạt động sớm mang lại hiệu quả trong năm.

### **3. Định hướng phát triển:**

#### **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Tổ chức tốt công tác dự báo thị trường để xây dựng kế hoạch, định hướng kinh doanh đúng, hiệu quả.

- Bám sát thực tiễn sản xuất kinh doanh của Công ty để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cơ chế kinh doanh - tài chính của Công ty cho phù hợp. Trong đó đặc biệt chú ý đến cơ chế bán hàng nhằm giải phóng vốn tồn đọng, tăng vòng quay vốn, tăng hiệu suất sử dụng vốn.

- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai công tác tổ chức lao động khoa học nâng cao năng suất lao động.

- Hoàn thiện các công trình đầu tư chiều sâu cho phân xưởng cán thép vào giữa năm 2012, sớm đưa vào khai thác phát huy hiệu quả đầu tư, giảm các chi tiêu tiêu hao, Dẩy mạnh sản xuất phôi thép, cung cấp đủ cho dây truyền cán và tiêu thụ phôi nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiến tới niêm yết cổ phiếu Công ty lên sàn giao dịch chứng khoán trong năm 2012.

- Tập trung triển khai nhanh các thủ tục chuẩn bị cho dự án phát triển của Công ty.

- Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi ích của cổ đông; đảm bảo việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

## **II- BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

### **1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2011**

- Doanh thu: 1.914,062 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 59,564 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: 60,6 tỷ đồng.

### **2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Năm 2011 kinh tế thế giới vẫn bất ổn, kinh tế Mỹ chưa hồi phục vững chắc; Châu Âu bất ổn với khủng hoảng nợ kéo dài, chưa có biểu hiện ổn định. Điều này cùng với những khó khăn nội tại của nền kinh tế như đầu tư công cao cần tái cấu trúc, chỉ số giá tiêu dùng tăng trên 18%..vv.v. đã ảnh hưởng mạnh đến nền kinh tế Việt Nam, nước đã và đang hội nhập càng sâu vào kinh tế thế giới và có tỷ trọng xuất khẩu cao.

Ngay từ đầu năm Chính phủ đã có nhiều chính sách quyết liệt nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát thể hiện bằng nghị quyết 11 của Chính phủ; Tình hình giá thép trong nước diễn biến phức tạp, tác động của tăng tỷ giá, tăng giá điện, nhiên liệu, lãi suất tiền vay ở mức cao, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Giảm đầu

tư công và thị trường bất động sản yếu kém, tổng sản lượng tiêu thụ thép năm 2011 chỉ đạt 4,6 triệu tấn, giảm 5,5% so năm 2010. Những vấn đề trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất vật liệu xây dựng trong đó có ngành thép.

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế trong nước, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty nhạy bén trong dự báo về giá cả, thị trường, đưa ra nhiều quyết sách sát với tình hình, nên duy trì được sản, hiệu quả sản xuất kinh doanh khá tốt, ổn định thu nhập của người lao động. Các chỉ tiêu thực hiện so với kế hoạch đạt tương đối tốt trước bối cảnh khó khăn; phôi thép đạt 104,02 % so với kế hoạch, tăng 21,64 % so với năm 2010; thép cán kỹ thuật đạt 94,83% so với kế hoạch. Tiêu thụ thép cán và phôi thép đạt 94,73% so với kế hoạch, so với năm 2010 đạt 96%. Lợi nhuận đạt 99,273% so với kế hoạch, so với năm 2010 đạt 98,3 %.

### **3. Những thay đổi chủ yếu trong năm**

**Về công nghệ luyện thép:** Công tác đầu tư được chú ý đúng mức, nhờ có đầu tư đúng hướng, sau cổ phần, sản xuất phôi đã từ 6.500 tấn/tháng lên 9.000 tấn/tháng sau đầu tư lò LF năm 2009. Xác định tình trạng thiết bị và công nghệ của Công ty ở mức trung bình yếu, tính cạnh tranh kém, vì vậy cuối năm 2010 đầu năm 2011 Công ty đầu tư cải tạo cụm thiết bị lò luyện thép EAF, chuyển thành lò ra đáy (EBT), tăng công suất biến thể, cải tạo đúc liên tục .vv.v. đến nay sản xuất phôi thép đạt trên 13.000 tấn/tháng. Tổng sản lượng phôi sản xuất năm 2011 tăng 21,6% so với năm 2010.

**Về công nghệ cán thép:** Cải tạo mở rộng lò nung phôi từ 4m lên nung phôi 6 mét. đã nâng cao năng suất, chất lượng và giảm tiêu hao cho sản phẩm cán. Tuy nhiên do tình hình thị trường không thuận lợi, sản xuất thép cán không đạt kế hoạch đã đề ra và thấp hơn so với năm 2010. Chất lượng sản phẩm được kiểm soát chặt chẽ.

Năm 2011 trong bối cảnh diễn biến kinh tế thế giới và trong nước hết sức phức tạp, khó lường đã tác động lớn đến hoạt động của ngành thép nói chung và của Công ty nói riêng, song CBCNV Công ty đã nỗ lực, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để khắc phục khó khăn, thúc đẩy sản xuất phát triển. Công ty đã cơ bản hoàn chỉnh, đồng bộ các cơ chế quản lý doanh nghiệp, áp dụng trong Công ty.

### **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai**

Năm 2012 tiếp tục hoàn thiện các khâu chính công nghệ cán thép để sản xuất kinh doanh có hiệu quả:

- Thay máy phân đoạn mà hiện tại là cắt đĩa bằng máy cắt bay nhằm giảm tiêu hao kim loại.
- Cải tạo sản nguội thành phẩm thép thanh.
- Chuyển cán thô cán hàng ngang thành hàng dọc.

Công ty chủ trương mở rộng thị trường sang các nước trong khu vực, đẩy mạnh xuất khẩu, tăng khả năng tiêu thụ, trên cơ sở đó đẩy mạnh sản xuất.



### III- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

##### \* Cơ cấu tài sản, nguồn vốn

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2010	2011	% tăng/giảm
	Tổng tài sản	489,462	548,613	112%
	Tài sản ngắn hạn	411,804	456,468	111%
	Tài sản dài hạn	77,658	92,145	119%
	Tổng nguồn vốn	489,462	548,613	112%
	Nợ phải trả	303,087	353,426	117%
	Vốn chủ sở hữu	186,375	195,187	105%

##### \* Chỉ số tài chính

	Chỉ tiêu	2010	2011	% tăng/giảm
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.36	1.29	95%
	Hệ số thanh toán nhanh	0.19	0.28	143%
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Tổng nợ/ tổng tài sản	0.62	0.64	104%
	Tổng nợ/vốn chủ sở hữu	1.63	1.81	111%
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho	5.67	8.01	141%
	Vòng quay tổng tài sản	3.32	3.49	105%
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>			
	LNST/ doanh thu thuần	2.80%	2.33%	83%
	LNST/vốn chủ sở hữu	24.36%	22.85%	94%
	LNST/tổng tài sản	9.28%	8.13%	88%
<b>5</b>	<b>Thu nhập/ cổ phiếu</b>			
	Thu nhập trên mỗi cổ phần(đồng/cp)	3,879	3,648	94%
	Giá trị sổ sách tại thời điểm 31.12.2011	15,245	15,966	105%

\* Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 12.225.393 cổ phần ( Cổ phần công thông )

## 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011

T T	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện Năm 2011	% so với kế hoạch	So với năm 2010	
						Thực hiện 2010	% so 2010
<b>I</b>	<b>Sản xuất</b>						
1	<b>Phôi thép</b>	tấn	110.000	114.442	104,02	94.077	121,64
2	<b>Thép cán</b>	tấn	128.000	121.386	94,83	139.496	87,02
	*Thép cán của Công ty	tấn	-	112.361	-	124.377	-
		tấn	-	9.025	-	15.119	-
3	<b>*Thép cán gia công Oxy</b>	M <sup>3</sup>		2.783.859		3.205.220	-
<b>II</b>	<b>Tiêu thụ</b>	tấn	128.000	121.258	95	126.855	96
	- Thép cán	tấn		111.405			
	- Phôi thép	tấn		9.853			
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu t/chính</b>						
	- Doanh thu	tỷ. đ	1.600	1.914,06	119,63	1.628,27	117,55
	- Lợi nhuận(T/thuế)	tỷ. đ	60	59,564	99,273	60,592	98,3
	- Khấu hao	tỷ. đ		20,35	-	14,713	138,31
	- Nộp ngân sách	tỷ. đ		60,6	-	30	202

- Chủ động sản xuất các mặt hàng, chủng loại mà Công ty có ưu thế, qua đó thúc đẩy tiêu thụ (sản lượng D10 và D12 chiếm hơn 46%), tăng cường sản xuất các loại thép SD390 đáp ứng nhu cầu cho các công trình trọng điểm.
- Phối hợp tốt với phòng Thị trường VNS, khách hàng, nắm bắt thông tin thị trường, linh hoạt thay đổi cơ cấu sản phẩm thép cán nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu người tiêu dùng. Tham gia xuất khẩu sản phẩm thông qua VNS hơn 16.700 tấn, doanh số đạt ~ 10 triệu USD phục vụ cho công tác nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị.
- Chất lượng sản phẩm được kiểm tra nghiêm ngặt trước khi đưa ra thị trường. Tiếp thu nghiêm túc và giải quyết rất ráo các thông tin phản ánh từ khách hàng đã thỏa mãn phần nào nhu cầu thị trường.

## 3. Những tiến bộ công ty đã đạt được về các mặt công tác quản lý

### 3.1 Công tác kỹ thuật và an toàn:

- Các chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật năm 2011 được cải thiện so với năm 2010. Cải tạo và áp dụng các đầu tư mới về công nghệ nhiều chỉ tiêu tiêu hao có nhiều tiến bộ.
- Đã thực hiện tốt Công tác ATLĐ. Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đã được tổ chức bảo trì, bảo dưỡng tốt, kiểm tra đúng kỳ hạn không để xảy ra sự cố. Số tai

nạn lao động giảm so với năm 2010, không để xảy ra tai nạn lao động nặng. Chú trọng xây dựng nhà máy xanh và sạch, phát huy việc cải tạo hệ thống thu bụi ở luyện và chuyển gas ở lò nung cán đã cải thiện được môi trường làm việc cho người lao động.

- Năm 2011 CBCNV hưởng ứng tốt phong trào sáng kiến, tiết kiệm để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành. Kết quả có 39 sáng kiến làm lợi hàng chục tỷ đồng.
- Tổ chức kiểm tra, kiểm định đúng kỳ hạn thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; trang thiết bị bảo hộ, môi trường, đã ngăn ngừa không để xảy ra sự cố lớn thiết bị sản xuất.
- Triển khai thực hiện nhiều hạng mục vệ sinh lao động, y tế, cải thiện môi trường, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động.
- Triển khai thực hiện tốt công tác cán bộ, với mục tiêu ổn định đội ngũ nhưng tạo đổi mới ở khâu quản lý nhằm mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt hơn.

### 3.2 Công tác tổ chức lao động:

- Tổng số lao động hiện có trong năm: 443 người, tuyển mới công nhân kỹ thuật, xem xét tổ chức lại lao động ở một số bộ phận, chủ động luân chuyển cán bộ quản lý ở một số bộ phận, tạo đổi mới quản lý góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tuân thủ các quy định luật pháp, giải quyết chế độ chính sách một cách thỏa đáng cho người lao động.
- Gắn tiền lương với hiệu quả sản xuất. Xây dựng đơn giá tiền lương sản phẩm; quy chế, phương án trả lương, phân phối tiền thưởng cho người lao động trong Công ty hợp lý, đã thúc đẩy phong trào thi đua, tạo hiệu quả tốt trong sản xuất và góp phần vào giảm giá thành.
- Đã xây dựng và triển khai một cách tích cực chương trình kế hoạch phòng ngừa, chống lãng phí, tiêu cực, tham nhũng trong công ty.
- Thu nhập bình quân của CBCNV trong năm ước đạt 7,8 triệu đồng/người/tháng, tăng trên 8% so với cùng kỳ 2010.

### 3.3 Công tác thị trường:

- Tổ chức tốt công tác theo dõi, nắm bắt tình hình thị trường, tham dự và trao đổi tốt thông tin và xu hướng thị trường từ VNS. Ban điều hành đã đề ra những biện pháp góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh.

### 3.4 Công tác vật tư nguyên liệu:

- Cân đối đảm bảo đủ số lượng cũng như chất lượng nguyên liệu vật tư phục vụ sản xuất trên cơ sở thông tin về xu hướng, giá cả thị trường thế giới và thị trường trong nước, tồn kho tối thiểu để giảm chi phí tài chính; tăng cường thu mua sắt thép vụn nội địa góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Phối hợp tốt với VNS trong việc chuẩn bị vật tư, nguyên liệu nhập khẩu cho sản xuất. Việc cung cấp vật tư nguyên liệu giữa hai bên được thực hiện bằng các hợp đồng chặt chẽ, đảm bảo về thời gian và giá cả hợp lý.

### 3.5 Công tác Tài chính - kế toán:

Thực hiện đầy đủ những nội dung chủ yếu :

- Xây dựng kế hoạch tài chính, xác định nhu cầu vốn hàng tháng cho sản xuất.
- Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn, chế độ thanh quyết toán, không để xảy ra nhầm lẫn.
- Lập báo cáo nộp ngân sách đầy đủ, đúng tiến độ. Báo cáo quyết toán các hạng mục đầu tư, sửa chữa lớn, XD/CB nhanh gọn trong năm.
- Theo dõi giám sát thực hiện các hợp đồng kinh tế, giải quyết công nợ kịp thời và chặt chẽ.
- Chủ động giao dịch thành công với các ngân hàng, tổ chức tài chính về vay vốn đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh.

### 3.6 Hoạt động đoàn thể và xã hội:

- Hoạt động đoàn thể tiếp tục được nâng cao. Phối hợp tốt giữa các đoàn thể và chính quyền trong công tác lãnh đạo hoạt động sản xuất kinh doanh. Công đoàn hoạt động vững mạnh, đi đầu trong phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch và nâng cao hiệu quả sản xuất, cùng chính quyền chăm lo tốt đời sống người lao động, góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hoạt động xã hội từ thiện, nhân đạo tiếp tục được đẩy mạnh. Công ty đã thực hiện công tác xã hội từ thiện, ủng hộ người nghèo tàn tật, đồng bào bị lũ lụt, ... với tổng số tiền 328 triệu đồng.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đã lập chiến lược phát triển Công ty từ 2011 đến 2020, tầm nhìn 2025 theo hướng duy trì sản xuất tại địa điểm hiện nay cho đến khi di dời. Xây dựng nhà máy mới công suất 500.000 tấn/năm với công nghệ hiện đại tại Khu công nghiệp Cầu Ông Kèo Tỉnh Đồng Nai.

Đang làm qui hoạch 1/500 khu đất hiện hữu của Công ty, trình UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt, xin chuyển đổi công năng từ đất sản xuất công nghiệp thành khu dân cư phức hợp, tạo điều kiện thuận lợi khi di dời nhà máy.

**IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2011

Đơn vị tính:  
đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT	SỐ CUỐI KỶ	SỐ ĐẦU NĂM
		MINH		
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100)=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>456.467.655.412</b>	<b>411.804.029.579</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>97.097.975.384</b>	<b>58.454.243.553</b>
1. Tiền	111	V.01	97.097.975.384	58.454.243.553
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	0	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>182.039.688.079</b>	<b>69.321.271.589</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	179.504.567.753	63.621.497.921
2. Trả trước cho người bán	132		1.713.147.876	5.173.825.091
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác (138.338)	138		821.972.450	525.948.577
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>177.308.973.549</b>	<b>267.871.885.205</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	177.308.973.549	267.871.885.205
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.018.400</b>	<b>16.156.629.232</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	16.140.388.560
3. Thuế & các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	V.05	0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác(141,144)	158		21.018.400	16.240.672
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>92.144.649.356</b>	<b>77.658.067.244</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	212	V.06	0	0
3. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	0	0
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>88.715.330.840</b>	<b>77.658.067.244</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	87.843.369.080	60.411.719.283
-Nguyên giá	222		253.223.521.269	205.441.560.145

- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(165.380.152.189)	(145.029.840.862)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>	<b>V.09</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>871.961.760</b>	<b>17.246.347.961</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào Công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	0	0
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		0	0
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.429.318.516</b>	<b>0</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3.429.318.516	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
			0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>548.612.304.768</b>	<b>489.462.096.823</b>

1	2	3	4	5
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300= 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>353.425.481.833</b>	<b>303.087.320.638</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>352.912.315.650</b>	<b>302.785.718.330</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	252.989.731.477	244.394.579.868
2. Phải trả người bán	312		69.411.535.548	36.339.445.536
3. Người mua trả tiền trước	313		23.405.391	710.866.312
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	9.877.464.781	4.451.609.443
5. Phải trả người lao động	315		11.962.758.199	13.186.142.082
6. Chi phí phải trả	316	V.17	3.069.552.185	841.473.049
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2.720.288.094	2.502.487.231
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.857.579.975	359.114.809
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>513.166.183</b>	<b>301.602.308</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0

3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		513.166.183	301.602.308
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>195.186.822.935</b>	<b>186.374.776.185</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>195.186.822.935</b>	<b>186.374.776.185</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	122.253.930.000	122.253.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.708.334.281	17.708.334.281
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		17.243.640	(661.579.904)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.662.537.929	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.945.036.577	1.675.157.283
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		44.599.740.508	45.398.934.525
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
			0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>548.612.304.768</b>	<b>489.462.096.823</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài				
2a. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ Tổng công ty			2.191.764.077	2.191.764.077
2b. Tài sản giữ hộ Tổng công ty			1.848.884.642	1.848.884.642
- Nguyên giá			13.711.044.307	13.711.044.307
- Giá trị hao mòn lũy kế			11.862.159.665	11.862.159.665
3. Hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			96.625.039.580	
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại (USD)			7.099,71	688.360
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				
7. Nguồn vốn KHCB hiện có				

## 2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
1	2	3	4
<b>TỔNG DOANH THU</b>	<b>01</b>	1.912.225.039.516	1.631.455.746.394
Các khoản giảm trừ (03=04+05+06+07)	<b>03</b>	0	0
<b>1. Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	1.912.225.039.516	1.631.455.746.394
<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01 - 03)</i>		<i>1.912.225.039.516</i>	<i>1.631.455.746.394</i>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	1.782.538.733.881	1.527.399.381.309
<b>3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10 - 11)</b>	<b>20</b>	129.686.305.635	104.056.365.085
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>	1.742.062.228	4.320.619.969
<b>5. Chi phí tài chính</b>	<b>22</b>	48.772.499.608	26.257.772.665
<i>- Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>	<i>47.942.096.504</i>	<i>25.940.622.777</i>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>	<b>24</b>	4.237.847.988	2.088.175.049
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	18.813.189.307	20.270.966.492
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [ 30= 20+ (21-22)-(24+25) ]</b>	<b>30</b>	59.604.830.960	59.760.070.848
<b>9. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>	95.498.303	1.136.523.926
<b>10. Chi phí khác</b>	<b>32</b>	135.366.818	303.624.062
<b>11. Lợi nhuận khác ( 40= 31-32)</b>	<b>40</b>	-39.868.515	832.899.864
<b>12. Tổng lợi nhuận trước thuế ( 50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	59.564.962.445	60.592.970.712
<b>13. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>51</b>	14.966.570.573	15.194.106.187
<b>14. Lợi nhuận sau thuế ( 60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>	44.598.391.872	45.398.864.525



### 3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	1		<b>59.564.962.445</b>	<b>60.592.970.712</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			<b>66.900.947.779</b>	<b>36.365.192.135</b>
- Khấu hao TSCĐ	2		20.350.311.327	14.713.603.868
- Các khoản dự phòng	3			-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4			-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(1.391.460.052)	(4.289.034.510)
- Chi phí lãi vay	6		47.942.096.504	25.940.622.777
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	8		<b>126.465.910.224</b>	<b>96.958.162.847</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(96.582.805.658)	(76.353.721.764)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		90.562.911.656	(1.077.940.408)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		41.969.857.133	(91.886.275.227)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.429.318.516)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(47.437.998.037)	(25.292.485.286)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(15.696.866.587)	(12.898.229.676)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		652.188.863	1.403.133.926
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.892.655.125)	(7.521.052.181)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<b>90.611.223.953</b>	<b>(116.668.407.769)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi mua, XDTSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(31.407.574.923)	<b>(34.140.036.578)</b>
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			174.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu cho vay, bán các công cụ nợ của Đv khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-

6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.391.460.052	4.289.034.510
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(30.016.114.871)</b>	<b>(29.676.911.159)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	845.265.114.849	573.719.350.538
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(836.669.963.240)	(358.394.712.095)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.564.132.500)	(14.447.550.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(21.968.980.891)</b>	<b>200.877.088.443</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>38.626.128.191</b>	<b>54.531.769.515</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>58.454.243.553</b>	<b>4.302.583.865</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	17.603.640	(380.109.827)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>97.097.975.384</b>	<b>58.454.243.553</b>

## 4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### 4.1 THÔNG TIN CHUNG

#### a. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được chuyển từ DNNN là Công ty Thép Thủ Đức theo Quyết định số 2254/QĐ-BCN ngày 29 tháng 06 năm 2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 642/QĐ-TCLĐ ngày 21 tháng 09 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thép Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 1 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 20 tháng 09 năm 2010.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 122.253.930.000 đồng tương đương 12.225.393 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Km số 9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM.

## **b. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thép và sản phẩm thép; nguyên nhiên liệu, thứ phế liệu kim loại cho sản xuất thép; các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí, công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, kinh doanh oxy, nitơ, argon dạng khí và lỏng; mua bán, lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất và sử dụng khí;
- Kinh doanh, khai thác cảng;
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Xây dựng, kinh doanh cao ốc, văn phòng, nhà ở.

## **4.2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **a. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **b. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *• Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *• Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *• Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **c. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **d. Các khoản phải thu**